TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST Ngày 20/4/2018. V/v: Không công nhận vợ chồng.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phú và ông Đào Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng S- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc Không công nhận là vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX- ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1984; *(vắng mặt)*

- Bị đơn: Anh Đào Quốc S, sinh năm 1981; *(vắng mặt)*

Đều STQ: Thôn P, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Đào Quốc S kết hôn với nhau ngày 19/9/2001, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đảng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh S làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2005. Nguyên nhân là do trong cuộc sống anh, chị bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2008 chị đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp. Từ đó, anh chị không còn liên lạc với nhau và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó. Anh, chị đã chính thức ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Đào Quốc S là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 07/4/2003 và Đào Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2005. Hiện nay cả hai con

chung đang ở với anh S. Nay ly hôn chị đồng ý để anh S được tiếp tục nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng, chị không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đào Quốc S trình bày:

Anh và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau năm 2001, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đảng ký kết hôn. Sau khi cưới chị M về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2008. Nguyên nhân do thời gian đó chị M đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì anh chị phát sinh mâu thuẫn khi anh chị liên lạc với nhau qua điện thoại có lời qua tiếng lại với nhau và không hiểu nhau. Đến tháng 12/2017 chị M về nước nhưng vợ chồng sống với nhau được 3 ngày thì chị M về gia đình đẻ sống cho đến nay, không quay lại chung sống cùng anh nữa. Vợ chồng chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng và ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 07/4/2003 và Đào Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2005. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48, khoản 4 điều 203 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S.

- Về con chung: Giao hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 07/4/2003 và Đào Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2005 cho anh Đào Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án và đã thực hiện các bước trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với các bên đương sự, tuy nhiên ngày 02/02/2018 anh S đã có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và khi Tòa án xét xử. Ngày 02/02/2018 chị Phạm Thị M cũng có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S kết hôn với nhau từ ngày 19/9/2001, khi cưới không đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng, Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã T nơi anh chị sinh trú quán, song UBND xã T xác nhận qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 2001 cho đến nay không có tên chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S. Do vậy có cơ sở kết luận chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh S đã ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, anh S cũng đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh và chị M. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn

nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 07/4/2003 và Đào Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2005. Hiện nay cả hai con đang ở với anh S. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh S, nguyện vọng của hai con chung là được tiếp tục sống cùng anh S, bản thân chị M cũng đồng ý để anh S được tiếp tục nuôi hai con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con và phù hợp với nguyện vọng của các bên nên cần giao cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, 238 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị M và anh Đào Quốc S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho anh Đào Quốc S tiếp tục trực tiếp nuôi hai con là Đào Thị H, sinh ngày 07/4/2003 và Đào Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2005.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăn nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001575 ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (xác nhận chị M đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh